

Số: 130 /2014/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về nội dung chi, mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của liên Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 4240/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về một số nội dung chi, mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Các nội dung chi khác đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ trực tiếp hoặc có liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung chi:

- a) Chi xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch;
- b) Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;
- c) Chi công tác hòa giải ở cơ sở;
- d) Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù;
- đ) Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt;
- e) Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường;
- g) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi;
- h) Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở;
- i) Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch;
- k) Chi văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp hoạt động của Chương trình, Đề án, Kế hoạch, hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, huyện.

2. Mức chi: theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật do ngân sách Nhà nước đảm bảo và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật do ngân sách Nhà nước đảm bảo và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, khóa XVI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; thay thế Nghị quyết số 352/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung chi, mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- VP Quốc hội; VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Vụ Phổ biến, GDPL; Cục Kiểm tra VBQPPL) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Trần Hồng Châu



PHỤ LỤC

MỘT SỐ KHOẢN CHI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 120/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (VN đồng)		
			Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
a	Xây dựng đề cương				
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	960.000	720.000	540.000
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.600.000	1.200.000	900.000
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	2.400.000	1.800.000	1.350.000
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	400.000	300.000	225.000
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý				
	Chủ trì	Người/buổi	160.000	120.000	90.000
	Thành viên dự	Người/buổi	80.000	60.000	45.000
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	400.000	300.000	225.000
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200.000	140.000	90.000
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150.000	100.000	70.000
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	80.000	60.000	45.000
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	240.000	180.000	135.000
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	160.000	120.000	90.000
e	Lấy ý kiến thẩm định (Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch)	Bài viết	400.000	300.000	225.000
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	400.000	300.000	
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền				

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (VN đồng)		
			Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
	viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật				
a	Thù lao báo cáo viên cấp tỉnh		(Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiểu mục 1.1 khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC)		
b	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt. (Tùy theo trình độ của báo cáo viên, tuyên truyền viên; tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, hướng dẫn)	Người/buổi		300.000	225.000
c	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Người/buổi	Tùy theo trình độ áp dụng mức chi quy định tại điểm a,b của mục này		
d	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại điểm a,b,c mục này		
3	Chi công tác hòa giải ở cơ sở				
a	Chi thù lao cho hòa giải viên tham gia phổ biến giáo dục pháp luật	Người/buổi	0	0	70.000
b	Thù lao hòa giải	Vụ việc/tổ	0	0	150.000
c	Tài liệu, VPP, sổ sách phục vụ tổ hòa giải	Tổ/ tháng	0	0	100.000
4	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù				
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	800.000	600.000	450.000
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	240.000	180.000	135.000
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.200.000	900.000	675.000
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	4.000.000	3.000.000	2.250.000
5	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật (Không quá 1 ngày)	Người/ngày	30.000		
	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	10.000		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (VN đồng)		
			Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
6	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường				
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kèm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Người/ngày	200% mức lương cơ sở, tính theo ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính		
b	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Người/ngày	130% mức lương cơ sở, tính theo ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính		
7	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi (Không quá 10 ngày)				
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác.		(Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT theo mức: ở cấp tỉnh bằng 80% so với cấp Trung ương, cấp huyện bằng 75% so với cấp tỉnh, cấp xã bằng 75% so với cấp huyện)		
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:				
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.600.000	1.200.000	900.000
	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	8.000.000	6.000.000	4.500.000
	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	240.000	180.000	135.000
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá.		(Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính đối với cuộc thi qua mạng điện tử - Mức chi ở cấp tỉnh bằng 80% so với cấp Trung ương, cấp huyện bằng 75% so với cấp tỉnh, cấp xã bằng 75% so với cấp huyện).		
c	Chi giải thưởng (Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt định mức chi tối đa quy định tại điểm này)				
	- Giải nhất	Giải thưởng			
	+ Tập thể		8.000.000	6.000.000	4.500.000
	+ Cá nhân		4.800.000	3.600.000	2.700.000
	- Giải nhì	Giải thưởng			
	+ Tập thể		5.600.000	4.200.000	3.150.000
	+ Cá nhân		2.400.000	1.800.000	1.350.000
	- Giải ba	Giải thưởng			
	+ Tập thể		4.000.000	3.000.000	2.250.000
	+ Cá nhân		1.600.000	1.200.000	900.000
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng			
	+ Tập thể		2.400.000	1.800.000	1.350.000
	+ Cá nhân		800.000	600.000	450.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (VN đồng)		
			Cấp Tỉnh	Cấp Huyện	Cấp Xã
	- Giải phụ khác	Giải thưởng	400.000	300.000	225.000
8	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở				
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh (Tính theo trang chuẩn 350 từ)	Trang	60.000		
b	Bồi dưỡng phát thanh				
	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần			12.000
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần			16.000
9	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật				
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các ngành, địa phương	Báo cáo	40.000	30.000	20.000
b	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	40.000	30.000	20.000
c	Viết báo cáo				
	Báo cáo định kỳ hàng năm của các ngành, địa phương	Báo cáo	2.400.000	1.800.000	1.350.000
	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	2.400.000	1.800.000	1.350.000
	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	800.000	600.000	450.000
10	Chi văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp hoạt động của Chương Trình, Đề án, Kế hoạch; hoạt động của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh, huyện		Căn cứ chứng từ, hóa đơn thực tế hợp pháp		